TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2023
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà Hoàng Thị Lan.
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Bùi Thanh Nhiến
  Bà Nguyễn Thị Lan
- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Bùi Thái Bình.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 07 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 269/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Trần Quang T, sinh năm 1977
Địa chỉ: Phố B, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình
- Bị đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979
Địa chỉ: Phố B, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Anh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn (nay là UBND phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình) vào ngày 08/1/2000. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình cũng như không thống nhất về việc nuôi dạy con cái. Từ khoảng tháng 10/2021, chị Nguyễn Thị N tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2021. Trong thời gian ly thân, chị Nguyễn Thị N không quan tâm thăm hỏi chồng. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng đã hết, gia đình và quan hệ vợ chồng chỉ còn tồn tại trên giấy tờ chứ thực chất không còn chung sống và yêu thương nhau nữa nên anh Trần Quang T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Quỳnh Liên, sinh ngày 20/06/2001 và cháu Trần Lệ Giang Thanh, sinh ngày 23/12/2002.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các con đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không đề nghị toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí ly hôn: anh Trần Quang T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi thụ lý đơn của anh Trần Quang T, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, tiến hành báo gọi triệu tập đương sự, nhưng chị Nguyễn Thị N liên tục vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh tại địa phương.

Biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Văn Tài-Trưởng phố B, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình cung cấp như sau: Anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị N đã kết hôn và chung sống với nhau có hộ khẩu thường trú tại phố B, xã Mông Hoá, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình do tôi quản lý. Tình hình vợ chồng anh T và chị N cụ thể như nào tôi cũng không rõ. Chỉ thấy chị N bỏ nhà đi làm xa ở đâu tôi không biết, từ cuối năm 2021; thỉnh thoảng lễ tết vẫn thấy chị N về thăm chồng con. Giấy tờ Toà án gửi tôi cũng không giao được tận tay chị N, vì chị không có nhà, tôi chỉ gọi điện thông báo được thôi.

Biên bản xác minh đối với anh Nguyễn Văn Nượng, em trai của chị Nguyễn Thị N cung cấp như sau: Tôi là Nguyễn Văn Nượng, sinh năm 1981, tôi là em trai của chị Nguyễn Thị N cũng sông tại Kỳ Sơn (tổ 06, phường Kỳ Sơn) gần nhà anh T và chị N, cách 1 đoạn đường. Anh T và chị N mâu thuẫn, cụ thể thế nào tôi không biết rõ, cũng chỉ nghe nói vợ chồng anh chị tôi là anh T – chị N lục đục, trục trặc không hạnh phúc, chị N đã bỏ nhà đi làm xa từ tháng 10/2021, cụ thể chị đi làm ở đâu tôi không được biết, thỉnh thoảng lễ tết tôi cũng thấy chị ghé về nhà thăm con rồi lại đi ngay, thỉnh thoảng tôi cũng có gọi hỏi thăm chị. Bố mẹ đẻ của chị N và tôi là ông Nguyễn Văn Dậu và bà Hoàng Thị Nhân đều đã chết từ lâu, có tôi là người thân của chị, bố tôi là ông Dậu chết trước cả khi chị N lấy anh T.

Biên bản xác minh đối với ông Trần Danh Cát, bố đẻ của anh Trần Quang T, bố chồng của chị Nguyễn Thị N. Anh T và chị N kết hôn từ ngày 08/11/2000 tại UBND xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn cũ, nay là phường Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình. Từ sau khi kết hôn anh T và chị N cùng các con sinh sống tại B – Mông Hoá cùng gia đình tôi. Quá tridnh chung sống, vợ chồng anh chị cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cụ thể thế nào tôi cũng không rõ, Từ khoảng tháng 10 năm 2021, chị N đã bỏ nhà đi làm ăn xa ở đâu tôi khong rõ địa chỉ, thỉnh thoảng lễ tết mới thấy về thăm con chốc lát rồi lại đi, tình hình vợ chồng không thấy mặn mà gì.

Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do chị N vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành tống đạt văn bản tố tụng

theo quy định của pháp luật. Đến nay chị N vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân căn cứ thực trạng hôn nhân giữa vợ chồng anh T và chị N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không đề nghị toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị Anh khai không có gì, Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: căn cứ quy định Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 ngày 16/11/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận chị Anh tự nguyện nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn chị Nguyễn Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Dân Hạ, Kỳ Sơn, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án :

Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Quang T và anh chị Nguyễn Thị ịnh là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Anh T cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình cũng như không thống nhất về việc nuôi dạy con cái. Từ

khoảng tháng 10/2021, chị Nguyễn Thị N tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2021. Trong thời gian ly thân, chị Nguyễn Thị N không quan tâm thăm hỏi chồng. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng đã hết, gia đình và quan hệ vợ chồng chỉ còn tồn tại trên giấy tờ chứ thực chất không còn chung sống và yêu thương nhau nữa nên anh Trần Quang T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thị N.

Hội đồng xét xử xét đến thực trạng cuộc sống chung vợ chồng, qua kết quả xác minh cho thấy cuộc sống chung giữa anh T và chị N xảy ra mâu thuẫn từ lâu, chị N đã bỏ nhà đi làm xa ở đâu không rõ, vợ chồng sống ly thân. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Từ nhận định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung sống không có, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Anh.

Về con chung: anh T và chị N có 02 con chung là là cháu Trần Quỳnh Liên, sinh ngày 20/06/2001 và cháu Trần Lệ Giang Thanh, sinh ngày 23/12/2002. Các con đã trưởng thành, phát triển bình thường, không đề nghị toà án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Anh khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Quang T ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, phát triển bình thường, không đề nghị toà án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: anh Trần Quang T tự nguyện nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai số 0004625 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Vương Linh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- UBND phường Tân Thịnh, TPHB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Lan

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**